

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28 /2016/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về phân cấp quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1202/TTr-SNN ngày 24 tháng 5 năm 2016; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 2703/STP-VB ngày 29 tháng 4 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Giao thông vận tải; Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP;
- Cảng vụ Hàng hải TP.HCM;
- Sở Tư pháp; Sở Nội vụ;
- Các Đoàn thể TP, các cơ quan Báo, Đài TP;
- VPUB: các PVP; Các Phòng CV; TTCB;
- Lưu: VT, (KT/Tr) MH 180.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG CHỦ TỊCH



Lê Thanh Liêm

QUY ĐỊNH

**Về phân cấp quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2016/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về việc phân cấp và phân công nhiệm vụ cho các Sở, ngành, đơn vị thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện trong việc thực hiện các hoạt động quản lý, khai thác liên quan đến sông, kênh, rạch và các công trình thủy lợi trên sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch

1. Phân cấp quản lý, khai thác theo chức năng của các tuyến sông, kênh, rạch gồm: tiêu thoát nước; giao thông thủy; cấp nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển rừng, sản xuất muối nhằm đảm bảo quản lý nhà nước thống nhất về thể chế, chính sách, chiến lược và quy hoạch đối với các ngành, lĩnh vực giúp khai thác tối đa chức năng phục vụ của các tuyến sông, kênh, rạch.

2. Những tuyến sông, kênh, rạch liên quan đến phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì phân cấp cho chính quyền địa phương cấp huyện; những tuyến sông, kênh, rạch liên quan đến phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên thì phân cấp cho các Sở, ngành, đơn vị thành phố; những tuyến sông, kênh, rạch liên quan đến phạm vi giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh lân cận thì thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan nhà nước ở Trung ương, trừ trường hợp các tuyến sông, kênh, rạch được Trung ương ủy quyền cho thành phố quản lý.

3. Các đơn vị được phân giao nhiệm vụ quản lý, khai thác các sông, kênh, rạch tại Quyết định này có trách nhiệm xây dựng quy chế phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình khai thác các tuyến sông, kênh, rạch do đơn vị quản lý nhằm đảm bảo phát huy hiệu quả tối đa theo chức năng của các tuyến sông, kênh, rạch.

4. Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về việc lấn chiếm hành lang bảo vệ an toàn bờ sông, kênh, rạch. Đối với việc san lấp, nắn chỉnh tuyến sông, kênh, rạch thì Ủy ban nhân dân quận - huyện lấy ý kiến của Sở quản lý chuyên ngành bằng văn bản. Về trình tự, thủ tục thỏa thuận thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÁC TUYẾN SÔNG, KÊNH, RẠCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Điều 3. Phân cấp quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng tiêu thoát nước:

a) Giao Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tiêu thoát nước theo chức năng, nhiệm vụ đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

b) Giao Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước thành phố trực tiếp quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng tiêu thoát nước tính từ mép bờ cao trở ra mực nước xuống đáy sông, kênh, rạch.

c) Phân cấp Ủy ban nhân dân các quận - huyện trực tiếp quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng tiêu thoát nước từ phạm vi mép bờ cao trở vào đất liền thuộc hành lang bảo vệ an toàn sông, kênh, rạch.

d) Phân cấp Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ trực tiếp quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng tiêu thoát nước trên địa bàn huyện Cần Giờ bao gồm cả phạm vi tính từ mép bờ cao trở ra mực nước xuống đáy sông, kênh, rạch và phạm vi tính từ mép bờ cao trở vào đất liền thuộc hành lang bảo vệ an toàn sông, kênh, rạch.

đ) Phân cấp Ủy ban nhân dân quận Bình Tân trực tiếp quản lý, khai thác 24 tuyến sông, kênh, rạch có chức năng tiêu thoát nước trên địa bàn quận Bình Tân bao gồm cả phạm vi tính từ mép bờ cao trở ra mực nước xuống đáy sông, kênh, rạch và phạm vi tính từ mép bờ cao trở vào đất liền thuộc hành lang bảo vệ an toàn sông, kênh, rạch.

(Đính kèm Phụ lục 1: Danh mục các tuyến sông kênh rạch có chức năng tiêu thoát nước trên địa bàn thành phố)

2. Các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy:

a) Đối với các tuyến đường thủy nội địa địa phương:

- Giao Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực đường thủy nội địa theo thẩm quyền được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

- Giao Khu Quản lý Đường thủy nội địa trực tiếp quản lý, khai thác hệ thống đường thủy nội địa địa phương tính từ mép bờ cao trở ra mực nước xuống đáy sông, kênh, rạch.

b) Đối với các tuyến đường thủy nội địa Quốc gia; tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng và tuyến hàng hải:

- Giao Sở Giao thông vận tải phối hợp với các đơn vị liên quan của Bộ Giao thông vận tải tổ chức quản lý theo thẩm quyền được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

- Giao Khu Quản lý Đường thủy nội địa trực tiếp quản lý, khai thác, vận hành vùng nước tính từ biên mép bờ cao đến biên hành lang bảo vệ luồng.

- Đối với các tuyến đường thủy nội địa Quốc gia được Bộ Giao thông vận tải ủy quyền (tại Quyết định số 2400/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 10 năm 2012 và Quyết định số 2990/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 10 năm 2013), giao Khu Quản lý đường thủy nội địa thực hiện công tác quản lý, khai thác theo quy định.

c) Phân cấp Ủy ban nhân dân các quận - huyện trực tiếp quản lý từ phạm vi mép bờ cao trở vào đất liền thuộc hành lang bảo vệ an toàn của các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy trên địa bàn thành phố.

(Đính kèm Phụ lục 2: Danh mục các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy trên địa bàn Thành phố)

3. Các tuyến kênh, rạch có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển rừng và sản xuất muối:

a) Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển rừng và sản xuất muối theo chức năng, nhiệm vụ đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

b) Giao Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác dịch vụ Thủy lợi thành phố trực tiếp quản lý, khai thác các tuyến kênh, rạch trong hệ thống công trình thủy lợi và các công trình thủy lợi trên sông, kênh, rạch bao gồm: phạm vi tính từ mép bờ cao trở ra mực nước xuống đáy kênh, rạch và phạm vi từ mép bờ cao trở vào đất liền thuộc hành lang bảo vệ an toàn bờ kênh, rạch và hành lang bảo vệ an toàn công trình thủy lợi.

c) Phân cấp Ủy ban nhân dân các quận - huyện trực tiếp quản lý, khai thác các tuyến kênh, rạch phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển rừng và sản xuất muối còn lại (trừ các tuyến kênh, rạch đã giao Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác dịch vụ Thủy lợi thành phố trực tiếp quản lý, khai thác) bao gồm: phạm vi tính từ mép bờ cao trở ra mực nước xuống đáy kênh, rạch và phạm vi từ mép bờ cao trở vào đất liền thuộc hành lang bảo vệ an toàn kênh, rạch.

(Đính kèm Phụ lục 3: Danh mục các tuyến kênh, rạch có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển rừng và sản xuất muối trên địa bàn thành phố)

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tiến hành các thỏa thuận và quyết định về san lấp, xây dựng công trình trên các sông, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy, tiêu thoát nước đô thị sau khi có ý kiến của đơn vị quản lý trực tiếp, đảm bảo phù hợp với quy hoạch của ngành phụ trách. Về trình tự, thủ tục thỏa thuận thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chủ trì xác định và công bố ranh mép bờ cao của các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy và tiêu thoát nước đô thị trên địa bàn thành phố.

3. Phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị và quận - huyện liên quan lập kế hoạch cải tạo và phát triển mạng lưới giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố phù hợp với quy hoạch và tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

4. Thường xuyên tuần tra, kiểm tra kịp thời phát hiện và phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thanh tra Xây dựng xử lý nghiêm các trường hợp san lấp, lấn chiếm, xây dựng nhà ở, công trình sai phép, không phép trong phạm vi luồng, hành lang bảo vệ luồng và hành lang bảo vệ an toàn sông, kênh, rạch theo thẩm quyền quy định.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tiến hành các thỏa thuận và quyết định về san lấp, xây dựng công trình trên các sông, kênh, rạch, đầm, hồ có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển rừng và sản xuất muối phù hợp với quy hoạch của ngành phụ trách. Về trình tự, thủ tục thỏa thuận thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chủ trì xác định phạm vi, công bố và tiến hành cắm mốc hành lang chỉ giới an toàn công trình thủy lợi và đê điều trên các sông, kênh, rạch có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển rừng và sản xuất muối trên địa bàn thành phố.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Trên cơ sở mép bờ cao đã được Sở Giao thông vận tải công bố, giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xác định mốc chỉ giới trên bản đồ địa chính, từ đó tiến hành cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi hành lang bảo vệ an toàn bờ sông, kênh, rạch trên thực địa (ngoại trừ hành lang bảo vệ an toàn đề điều trên các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và hành lang bảo vệ an toàn công trình thủy lợi) tổ chức bàn giao cho các đơn vị và quận - huyện được giao quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch kèm theo Quyết định này. Đối với các tuyến sông do Trung ương quản lý, giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan của Bộ Giao thông vận tải cắm mốc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn trên bờ sông, kênh, rạch.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị, địa phương được giao quản lý trực tiếp tại Quyết định này rà soát, cập nhật xây dựng bản đồ các tuyến sông, kênh, rạch làm cơ sở cho việc quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch đạt hiệu quả theo phân cấp.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Quy hoạch - Kiến trúc

Chủ trì và phối hợp với các cấp chính quyền địa phương tổ chức triển khai công tác công bố hệ thống đồ án quy hoạch, bản đồ quy hoạch xây dựng đô thị trong đó có xác định phạm vi hành lang trên bờ sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố làm cơ sở cho cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch đạt hiệu quả theo phân cấp.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Chủ trì và phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị liên quan để tiến hành kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các trường hợp san lấp, lấn chiếm, xây dựng nhà ở, công trình sai phép, không phép trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn sông, kênh, rạch theo thẩm quyền quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước thành phố, Khu Quản lý Đường thủy nội địa, Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác dịch vụ Thủy lợi thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện được giao trực tiếp quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch:

1. Định kỳ hàng năm:

a) Các địa phương, đơn vị được giao quản lý phạm vi tính từ mép bờ cao trở ra mực nước xuống đáy sông, kênh, rạch: xây dựng kế hoạch, đề xuất đầu tư và tổ chức thực hiện việc nạo vét bùn đất bồi lắng, vớt rác, xử lý lục bình, cỏ dại và nạo vét bãi cạn, thanh thải chướng ngại vật, khơi thông luồng các tuyến sông, kênh, rạch, thực hiện các biện pháp phòng, chống sạt lở bờ sông, kênh, rạch để đảm bảo an toàn, phát huy hiệu quả chức năng nhiệm vụ của các tuyến sông, kênh, rạch và các công trình trên sông, kênh, rạch.

b) Các địa phương được giao quản lý phạm vi tính từ mép bờ cao trở vào đất liền thuộc hành lang bảo vệ an toàn bờ kênh, rạch: xây dựng kế hoạch, đề xuất đầu tư xây dựng mới hoặc duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai để đảm bảo an toàn, phát huy hiệu quả chức năng nhiệm vụ của hành lang bảo vệ an toàn các tuyến sông, kênh, rạch. Đồng thời, tổ chức quản lý và bảo vệ các mốc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn bờ sông, kênh, rạch đã được phân giao quản lý.

c) Các địa phương, Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác dịch vụ Thủy lợi thành phố được giao quản lý bao gồm cả phạm vi tính từ mép bờ cao trở ra mực nước xuống đáy kênh, rạch và phạm vi từ mép bờ cao trở vào đất liền thuộc hành lang bảo vệ an toàn bờ kênh, rạch và hành lang bảo vệ an toàn công trình thủy lợi: định kỳ hàng năm thực hiện theo nhiệm vụ tại điểm a và điểm b Khoản này.

2. Thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm tra, xử lý hoặc báo cáo đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến sông, kênh, rạch và các công trình thủy lợi trên sông, kênh, rạch theo phân cấp quản lý, khai thác tại Quyết định này.

3. Định kỳ hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng và thống kê đầy đủ các số liệu cơ bản của các tuyến sông, kênh, rạch đã được giao quản lý để phục vụ công tác quản lý và duy tu bảo dưỡng; qua đó kịp thời phát hiện các tuyến sông, kênh, rạch chưa có trong danh mục phân cấp hoặc loại khỏi danh sách những tuyến sông, kênh, rạch không còn tồn tại trên thực địa; báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm đầu mối tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

4. Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước thành phố, Khu Quản lý Đường thủy nội địa, Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác dịch vụ Thủy lợi thành phố được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch tại Quyết định này có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các Sở, ngành, đơn vị liên quan:

a) Xây dựng quy chế phối hợp trong quá trình khai thác các tuyến sông, kênh, rạch do đơn vị quản lý nhằm đảm bảo phát huy hiệu quả tối đa theo chức năng, nhiệm vụ của các tuyến sông, kênh, rạch, trình Sở chuyên ngành xem xét, phê duyệt.

b) Rà soát, cập nhật các số liệu thực tế của các tuyến sông, kênh, rạch gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng bản đồ các tuyến sông, kênh, rạch làm cơ sở cho việc quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch đạt hiệu quả theo phân cấp.

Điều 10. Cá nhân, tổ chức có thực hiện các hoạt động liên quan đến bờ và lòng sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố như: san lấp mặt bằng, xây dựng các công trình hạ tầng, dân dụng, công nghiệp...; nạo vét bùn đất bồi lắng, nạo vét bãi cạn, luồng lạch, thanh thải chướng ngại vật; thu hẹp, mở rộng, chỉnh tuyến sông, kênh, rạch phải có trách nhiệm lấy ý kiến của các cơ quan quản lý chuyên ngành bằng văn bản trước khi thực hiện.

Chương IV CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH

Điều 11. Chế độ báo cáo

Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận - huyện theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị, địa phương mình về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo.

Điều 12. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Quy hoạch-Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn theo chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh đột xuất hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH



Le Thanh Liêm

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG SÔNG, KÊNH, RẠCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Đơn vị trực tiếp quản lý	Tổng số lượng sông, kênh, rạch	Tổng chiều dài (m)	Ghi chú
I	Phụ lục 1: Danh mục các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng tiêu thoát nước trên địa bàn thành phố	849	1.094.105	
1	Giao Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước Thành phố	701	797.228	
2	Giao Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	24	22.424	
3	Giao Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	124	274.453	
II	Phụ lục 2: Danh mục các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy trên địa bàn thành phố	112	975.500	
III	Phụ lục 3: Danh mục các tuyến kênh, rạch có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển rừng và sản xuất muối trên địa bàn thành phố	1.992	2.299.133	
1	Giao Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác dịch vụ Thủy lợi thành phố	1.226	1.234.244	
2	Giao Ủy ban nhân dân quận 9	8	4.966	
3	Giao Ủy ban nhân dân quận 12	50	24.305	
4	Giao Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	108	78.219	
5	Giao Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	99	163.245	
6	Giao Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi	326	352.530	
7	Giao Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	34	82.000	
8	Giao Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	141	359.624	
IV	Tổng cộng I+II+III	2.953	4.368.738	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 1: Danh mục các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng tiêu thoát nước trên địa bàn thành phố
(Kèm theo Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên sông, kênh, rạch	Địa điểm (quận - huyện)	Quản lý ngành	Quản lý trực tiếp	Lý trình		Hiện trạng		Ghi chú	
					Điểm đầu	Điểm cuối	Dài (m)	Rộng (m)		
Tổng cộng 849 tuyến, tổng chiều dài 1.094.105m										
1	Rạch Cầu Dừa	4	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Hẻm 209 Tôn Thất Thuyết	Cầu Dừa quận 4 (Kênh Bến Nghé)	1.094.105	640	6,1	
2	Rạch Cầu Dừa nhánh 1	4	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Khu dân cư cuối đường Hoàng Diệu	Rạch Cầu Dừa	110	110	1,4	
3	Rạch Cầu Dừa nhánh 2	4	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Khu dân cư đường Khánh Hội	Rạch Cầu Dừa	410	410	2,2	
4	Kênh Tân Hoà đoạn 1	11+Tân Phú	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Bùi Cầm Hồ	Ngã 3 kênh Tân Hóa - Bàu Trầu	900	900	20	
5	Kênh Tân Hoà đoạn 2	6	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Ngã 3 kênh Tân Hóa - Bàu Trầu	Cầu Ông Buồng 2	698	698	10,9	
6	Rạch Hàng Bàng đoạn 1	5	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Kênh Tàu Hủ	Góc Bến Bãi Sậy-đường Vạn Tượng	120	120	7	
7	Rạch Hàng Bàng đoạn 2	5+6	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Góc Bến Bãi Sậy-đường Vạn Tượng	Phạm Đình Hồ	726	726	2	
8	Rạch Hàng Bàng đoạn 3	6	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Minh Phụng	Kênh Tân Hóa- Lò Gốm	267	267	2,9	
9	Rạch Bàu Trầu	6+Tân Phú	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Cuối kênh Hiệp Tân	Kênh Tân Hóa	1.577	1.577	7	
10	Rạch Ruột Ngựa đoạn 1	8	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Cuối tuyến (giao rạch Nhỏ)	Giao rạch Ruột Ngựa - rạch Nhảy	1.428	1.428	20,6	
11	Rạch Ruột Ngựa đoạn 2	8	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Giao rạch Ruột Ngựa - rạch Nhảy	Cầu Phú Định	814	814	42,8	
12	Rạch Ruột Ngựa (nhánh 1)	8	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Khu dân cư đường An Dương Vương	Rạch Ruột Ngựa	291	291	7	
13	Rạch Nhảy	8	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Cầu Mỹ Thuận	Giao rạch Ruột Ngựa - rạch Nhảy	1.540	1.540	21,7	
14	Rạch Bà Cả	8	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Đường 42 (Thanh Niên)	Rạch Ruột Ngựa	421	421	7,8	
15	Rạch Nhỏ (Bà Lựu nối dài)	8	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Đường An Dương Vương	Giao Rạch Ruột Ngựa	730	730	7,1	
16	Kênh Ngang số 1	8	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Kênh Đồi	Kênh Tàu Hủ	400	400		
17	Kênh Ư Cây	8	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Kênh Đồi	Kênh Tàu Hủ	775	775	11,6	

STT	Tên sông, kênh, rạch	Địa điểm (quận - huyện)	Quản lý ngành	Quản lý trực tiếp	Lý trình		Hiện trạng		Ghi chú
					Điểm đầu	Điểm cuối	Dài (m)	Rộng (m)	
292	Rạch nhánh rạch Đá	Thủ Đức	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Thửa 2 tờ 94	Nhà 24 đường số 3	315		
293	Rạch nhánh của rạch Đĩa	Thủ Đức	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Nhà 109/27 đường Hiệp Bình	Nhà 43/24 đường Hiệp Bình	543		
294	Rạch hẻm 520 (nhánh rạch Đĩa)	Thủ Đức	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Hẻm 520	Cuối tuyến	390		
295	Rạch Cưng	Thủ Đức	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Rạch Lũng	Đường số 22	300		
296	Suối Linh Tây	Thủ Đức	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Khu Quán sự, qua đường Tô Ngọc Vân	Trường THCS Linh Đông	1.800		
297	Rạch Cống Quay	Thủ Đức	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Sông Sài Gòn	Cuối tuyến	300		
298	Rạch Đường 40 (Rạch Cầu miếu)	Thủ Đức	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Rạch Cầu Ngang	Đường số 39	550		
299	Rạch Tám Tầng (Nhánh rạch Lũng)	Thủ Đức	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Rạch Lũng	Chia nhánh ra Đường số 28-đường Linh Đông-cấp Đường số 22	1.120		
300	Nhánh rạch Thủ Đức	Thủ Đức	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Rạch Thủ Đức	Cuối tuyến	50		
301	Rạch Cây Sơn Máu	Thủ Đức	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Cuối đường 6	Rạch Nhà Trà	317		
302	Rạch số 7 (Nhánh Rạch Gò Dưa)	Thủ Đức	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Rạch Gò Dưa (Đất ông Hoa)	Cuối rạch	400		
303	Sông Đá Hàn	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Rạch Cầu Dừa	Kênh Tham Lương	7.232	33-39	
304	Sông Sơ Rơ	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường Hà Huy Giáp	Sông Đá Hàn	2.398	6-25	
305	Sông Rông Tùng	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường Hà Huy Giáp	Sông Đá Hàn	1.448	6-15	
306	Rạch Rông Hầm	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Sông Đá Hàn	815	3-10	
307	Rạch Cầu Móng	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường TX14	Sông Đá Hàn	568	3-6	
308	Rạch Kênh Mới	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Sông Đá Hàn	421	3-4	
309	Rạch Thầy Quyền	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Rạch Sáu	260	3-5	
310	Rạch Sáu	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Cầu Ba Sóc	Sông Vàm Thuật	1.407	6-20	

STT	Tên sông, kênh, rạch	Địa điểm (quận - huyện)	Quản lý ngành	Quản lý trực tiếp	Lý trình		Hiện trạng		Ghi chú
					Điểm đầu	Điểm cuối	Dài (m)	Rộng (m)	
311	Rạch Tám Giác - Tám Mập	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Rạch Sáu	Đường TX 21	524	2-10	
312	Rạch Rông Trám	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Sông Ông Đụng	Sông Đá Hãn	2.253	8-15	
313	Rạch Cù Lao Bà Hộ	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường Bùi Công Trưng	Sông Sài Gòn	506	4-28	
314	Rạch Ông Bảy Còi	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường Bùi Công Trưng	Sông Sài Gòn	555	14-26	
315	Rạch Cầu Móng	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường Hà Huy Giáp	Sông Sài Gòn	405	5-21	
316	Rạch Bà Ngầu	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Rạch Quán	472	2-8	
317	Rạch Út Hoành	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	143	6-13	
318	Rạch Quán	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	1.238	5-20	
319	Rạch Cầu Vô Tây	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Mương Cầu Vô	Rạch Quán	357	4-10	
320	Rạch Ba Thôn	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường Hà Huy Giáp	Cầu Thơ Du	687	10-25	
321	Mương Cầu Vô	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Rạch Cầu Vô Tây	Rạch Cam	498	2-3	
322	Rạch Cam	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Mương Cầu Vô	Sông Sài Gòn	330	4-15	
323	Rạch Ông Sòi	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	620	6-8	
324	Rạch Giao Khẩu	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Cầu Cà Bón	Sông Sài Gòn	2.500	18-30	
325	Rạch Ông Học	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường Hà Huy Giáp	Rạch Cà Bón	1.123	2-15	
326	Rạch Trùm Bích	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường Hà Huy Giáp	Rạch Giao Khẩu	890	10-15	
327	Rạch Chín Chuyền	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Sông Vàm Thuật	322	2-20	
328	Rạch Cầu Cà Bón	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Kênh Tham Lương	Cầu Cà Bón	1.000	10-20	
329	Rạch Mướp	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Sông Vàm Thuật	816	6-15	
330	Kênh Đát Sét	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Cầu Ga	Sông Vàm Thuật	1.135	9-30	

STT	Tên sông, kênh, rạch	Địa điểm (quận - huyện)	Quản lý ngành	Quản lý trực tiếp	Lý trình		Hiện trạng		Ghi chú
					Điểm đầu	Điểm cuối	Dài (m)	Rộng (m)	
331	Rạch Thọ Bọt	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Kênh Đất Sét	1.908	2-30	
332	Rạch Tư Hồ	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	661	3-15	
333	Rạch Lò Hco	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường TL19	Sông Sài Gòn	650	3-15	
334	Rạch Chú Kỳ	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường TL31	Sông Sài Gòn	290	2-8	
335	Rạch Ông Trục	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường TL31	Sông Sài Gòn	277	2-6	
336	Sông Vàm Thuật	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Rạch Cà Bón	Sông Sài Gòn	5.465	50-100	
337	Rạch Láng Le	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Kênh Đất Sét	Sông Sài Gòn	2.398	4-28	
338	Rạch Ghe Máy	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường Vườn Lài	Sông Vàm Thuật	634	4-20	
339	Rạch Gia	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Rạch Cầu Đò	Sông Sài Gòn	1.215	10-25	
340	Rạch Tư Trang	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Rạch Cầu Kinh	Rạch Láng Le	1.376	2-15	
341	Rạch Cầu Xây	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Hèm 350 đường An Phú Đông	Rạch Lớn	600	3-8	
342	Rạch Ụ Tư Vựng	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Hèm 398-Vườn Lài	Sông Vàm Thuật	957	4-37	
343	Rạch Cầu Kinh	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Rạch Gia	Sông Sài Gòn	2.069	7-20	
344	Rạch Trám	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Hèm 105-QL1A	Sông Sài Gòn	680	12-26	
345	Rạch Bà Dương	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Rạch Ụ Ông Bông	Sông Sài Gòn	655	10-20	
346	Rạch Thầy Tư	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	638	2-10	
347	Sông Sài Gòn	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Sông Cầu Vòng	Sông Vàm Thuật	11.000	250	
348	Rạch Rông Lớn	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường TA09	Sông Đá Hàn	896	6-12	
349	Mương Riêu	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Sông Đá Hàn	372	3-4	
350	Rạch Rông Hóa	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Sông Đá Hàn	484	3-4	

STT	Tên sông, kênh, rạch	Địa điểm (quận - huyện)	Quan lý ngành vận tải	Quan lý trực tiếp	Lý trình		Hiện trạng		Ghi chú
					Điểm đầu	Điểm cuối	Dài (m)	Rộng (m)	
351	Mương Nơ	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Sông Đá Hãn	372	3-4	
352	Rạch Ba ton - Cầu Tre	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Sông Đá Hãn	800	5-8	
353	Kênh Dơi	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Sông Đá Hãn	355	4-5	
354	Sông Rỗng Trâu	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Sông Đá Hãn	595	8-15	
355	Rạch Nam Ló	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu tuyến	Sông Đá Hãn	173	2-3	
356	Kênh Lê Thị Riêng	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường TA05	Sông Đá Hãn	607	6-15	
357	Rạch Út Bon	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Quốc lộ 1	Kênh Tham Lương	377	5-12	
358	Mương Mười Nghĩa	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Kênh Tham Lương	Cuối tuyến	272	2-3	
359	Kênh Đồng Tiến	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Quốc Lộ 1A	Kênh Tham Lương	1.750	4-5	
360	Mương Cầu Suối	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Ngã 3 rạch mương Cầu Suối	Kênh Tham Lương	2.270	2-4	
361	Kênh Tham Lương	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Cầu Bình Phú Tây	Sông Đá Hãn	10.549	10-30	
362	Nhánh Mương Cầu Suối (Nhánh 1)	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Nguyễn Ảnh Thủ	Ngã 3 rạch mương Cầu Suối	1.364	2-4	
363	Kênh Đồng Tiến	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đầu Tuyến	Quốc Lộ 1A	2.086	4-5	
364	Nhánh Mương Cầu Suối (nhánh 2)	Quận 12	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường Tô Ký	Ngã 3 rạch mương Cầu Suối	1.155	2-4	
365	Kênh Trần Quang Cơ	Quận 12 + Học Môn	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Đường Nguyễn Anh Thủ	Ngã ba sông Đá Hãn	5.500	10-45	
366	Kênh Trung Ương	Học Môn + Bình Chánh	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước	Từ Trạm bơm Tân Thới Nhi	Cuối tuyến	11.410		
367	Nhánh Rạch Tra 1 (áp 3)	Học Môn	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Từ Rạch Tra	Cuối tuyến	300		
368	Nhánh Rạch Tra 2 (áp 3)	Học Môn	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Từ Rạch Tra	Cuối tuyến	300		
369	Kênh tiêu liên xã	Học Môn	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Từ rạch xã Xuân Thới Thượng	Đường Xuyên Á	2.850		
370	Kênh tiêu liên xã	Học Môn	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm ĐHCT chống ngập nước TP	Từ rạch xã Xuân Thới Sơn	Đoạn nối rạch cầu Sa	4.950		

Phụ lục 2: Danh mục các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy trên địa bàn thành phố
(Kèm theo Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên sông, kênh, rạch	Quản lý ngành	Quản lý trực tiếp	Chiều dài (m)	Cấp kỹ thuật	Lý trình		Ghi chú
						Điểm đầu	Điểm cuối	
Tổng cộng: 112 tuyến, tổng chiều dài 975.500m								
A - Các tuyến đường thủy nội địa địa phương								
I	Khu vực Củ Chi							
1	Kênh Thầy Cai	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	26.500	V	Kênh An Hạ	Ranh giới Long An	
2	Kênh Quyết Thắng (Gia Bệ)	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	8.500	VI	Kênh Đông	Kênh Đức Lập	
3	Kênh Đức Lập (Sông Bà Cả Bảy)	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	10.000	VI	Rạch Bến Mương	Cuối tuyến	
4	Rạch Láng The - Bến Mương	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	11.000	VI	Ngã ba sông Sài Gòn	Cầu Bến Mương	
5	Kênh Địa Phần	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	11.000	VI	Rạch Tra	Rạch Láng The	
II	Khu vực Hóc Môn và Quận 12							
6	Rạch Tra	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	11.000	IV	Ngã ba sông Sài Gòn	Kênh Thầy Cai	
7	Kênh An Hạ	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	15.000	V	Kênh Thầy Cai	Cầu Xáng Tỉnh lộ 10	
8	Kênh Xáng An Hạ - Kênh Xáng Lý Văn Mạnh	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	19.000	IV	Cầu Xáng Tỉnh lộ 10	Sông Bến Lức	
9	Rạch Cầu Mễnh - Rạch Bến Cát	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	8.400	VI	Rạch Tra	Sông Trường Đay	
III	Khu vực nội thành							
10	Kênh Ngang số 2	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	400	IV	Kênh Đồi	Kênh Tàu Hũ - Lò Gốm	

STT	Tên sông, kênh, rạch	Quản lý ngành	Quản lý trực tiếp	Chiều dài (m)	Cấp kỹ thuật	Lý trình		Ghi chú
						Điểm đầu	Điểm cuối	
11	Kênh Ngang số 3	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	400	IV	Kênh Đồi	Kênh Tàu Hũ - Lò Góm	
12	Sông Vàm Thuật - Bến Cát - Trường Đay-kênh Tham Lương - rạch Nước Lớn	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	30.000	V	Ngã ba sông Sài Gòn	Sông Bến Lức	
13	Kênh Thanh Đa	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	1.300	V	Ngã ba sông Sài Gòn	Sông Sài Gòn	
14	Rạch Bến Nghé	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	3.100	V	Ngã ba sông Sài Gòn	Ngã tư kênh Tàu Hũ	
15	Kênh Tàu Hũ - Lò Góm	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	9.000	V	Ngã tư rạch Bến Nghé	Sông Bến Lức	
16	Rạch Xóm Củi - Gò Nổi	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	7.100	V	Kênh Đồi	Rạch Bà Lào - Kênh Cây Khô	
17	Rạch Nhiều Lọc - Thị Nghè	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	6.000	VI	Ngã ba sông Sài Gòn	Cầu Lê Văn Sĩ	
18	Rạch Lò Góm - Ông Buồng	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	2.800	VI	Kênh Lò Góm	Cầu Ông Buồng	
19	Rạch Bà Tăng - Cầu Sập	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	4.500	VI	Kênh Đồi	Sông Cần Giuộc	
IV	Khu vực Bình Chánh			36.500				
20	Sông Cần Giuộc	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	11.500	III	Sông Bến Lức	Rạch Bà Lào - Kênh Cây Khô	
21	Rạch Bà Ty	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	4.000	VI	Kênh Xáng	Sông Bến Lức	
22	Rạch Bà Lớn - Rạch Chờm	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	7.000	VI	Rạch Bà Tăng	Cuối tuyến	
23	Rạch Bà Lào (Xã Tôm)- Rạch Ngang	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	5.500	VI	Rạch Gò Nổi	Rạch Xóm Củi	
24	Tắc Bến Ró	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	4.500	VI	Kênh Cây Khô	Rạch Xóm Củi	
25	Rạch Chiểu - Cầu Bà Cá	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	4.000	VI	Rạch Bà Lào	Cuối tuyến (Đa Phước)	
V	Khu vực Thủ Đức, Q2, Q9			62.700				

STT	Tên sông, kênh, rạch	Quản lý ngành	Quản lý trực tiếp	Chiều dài (m)	Cấp kỹ thuật	Lý trình		Ghi chú
						Điểm đầu	Điểm cuối	
92	Sông Lò Rèn	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	4.100	III	Sông Dinh Bà	Sông Vàm Sát	
B - Các tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng								
93	Rạch Đào 1	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	1.100	III	Sông Sài Gòn	Đường nội bộ tổng kho Thủ Đức	
94	Rạch Đào 2	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	1.500	III	Rạch Chiếc	Đường nội bộ tổng kho Thủ Đức	
C - Các tuyến đường thủy nội địa quốc gia trên địa bàn thành phố								
				190.300				
95	Kênh Tẻ	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	4.500	II	Sông Sài Gòn	Kênh Đồi	
96	Kênh Đồi	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	8.500	III	Kênh Tẻ	Sông Chợ Đệm Bến Lức	
97	Rạch Ông Lớn	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	5.000	III	Kênh Tẻ	Kênh Cây Khô	
98	Kênh Cây Khô	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	3.500	III	Sông Cần Giuộc	Rạch Ông Lớn	
99	Sông Cần Giuộc	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	35.500	III	Kênh Cây Khô	Sông Soài Rạp	
100	Sông Chợ Đệm - Bến Lức	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	9.500	III	Kênh Đồi	Ranh giới Long An	
101	Sông Sài Gòn	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	7.000	II	Cầu Sài Gòn	Ngã 3 Rạch Chiếc	
	Sông Sài Gòn	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	88.100	III	Ngã 3 Rạch Chiếc	Ranh giới Tây Ninh	
	Sông Sài Gòn	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	1.900	II	Cầu Sài Gòn	Ngã 3 Rạch Thị Nghè	
102	Sông Đồng Nai	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	26.800	I	Ngã 3 Rạch Ông Nhiều	Cầu Đồng Nai	
D - Các tuyến hàng hải trên địa bàn thành phố								
				183.900				
103	Sông Sài Gòn	Sở Giao thông vận tải	Khu Quản lý Đường thủy nội địa	14.800		Ngã ba Đền Đô	Ngã 3 rạch Thị Nghè	

Phụ lục 3: Danh mục các tuyến kênh, rạch có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển rừng và sản xuất muối trên địa bàn thành phố

(Kèm theo Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên kênh, rạch	Quản lý ngành	Quản lý trực tiếp	Chiều dài (m)	Lý trình		Ghi chú
					Điểm đầu	Điểm cuối	
		Tổng cộng: 1.992 tuyến, tổng chiều dài 2.299.133m		2.299.133			
1	Kênh C	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	2.500	Cầu Tân Tạo	Sông Phụng	
2	Kênh số 1 (Kênh C3)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	1.500	Kênh C	Cuối tuyến	
3	Kênh số 2 (Kênh C5)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	2.220	Kênh C	Sông Đập	
4	Kênh số 3 (Kênh C7)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	2.530	Kênh C	Đường Nguyễn Cửu Phú	
5	Kênh số 4 (Kênh C9)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	2.580	Kênh C	Đường Nguyễn Cửu Phú	
6	Kênh số 5 (Kênh C11)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	2.470	Kênh C	Đường Nguyễn Cửu Phú	
7	Nhánh kênh số 3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	300	Sông Đập	Nguyễn Cửu Phú	
8	Nhánh kênh số 4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	400	Sông Đập	Nguyễn Cửu Phú	
9	Nhánh kênh số 5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	400	Sông Đập	Nguyễn Cửu Phú	
10	Suối Nhum	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	6.260	Ngã ba sông Xuân Trường	Xa lộ Hà Nội	
11	Suối Cái	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	3.500	Xa lộ Hà Nội	Cuối tuyến	
12	Kênh Liên Vùng (kênh AH-KC)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	700	Kênh C	Đường Võ Văn Vân (ranh Bình Chánh-Bình Tân)	
13	Kênh tiêu T46	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	2.070	Quốc Lộ 22	Kênh N43	
14	Kênh tiêu TCC 1-2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	8.238	Kênh Đông	Cuối tuyến	

STT	Tên kênh, rạch	Quản lý ngành	Quản lý trực tiếp	Chiều dài (m)	Lý trình		Ghi chú
					Điểm đầu	Điểm cuối	
1221	Rạch Sóc Tràm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	2.200	Đường Đất	Sông Sài Gòn	
1222	Rạch Bò Cạp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	5.700	Đường MTVN	Sông Sài Gòn	
1223	Rạch Ông Lỡ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	2.800	Đường Đất	Sông Sài Gòn	
1224	Rạch Cây Xoài	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	2.400	Đường Đất	Sông Sài Gòn	
1225	Rạch Bà Tài	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	2.300	Đường Đất	Sông Sài Gòn	
1226	Rạch Cầu Đen	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công ty TNHH MTV QLKTĐV Thủy lợi TP	1.800	Tỉnh Lộ 15	Sông Sài Gòn	
1227	Rạch Bến Đò	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 9	1.389	Nguyễn Xiển	Sông Đồng Nai	
1228	Rạch Đường Mương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 9	1.367	Rạch Giây Giếng	Sông Tắc	
1229	Rạch Cái nhánh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 9	410	Đường Lương Cát	Cuối tuyến	
1230	Rạch Bà Cầu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 9	610	Đầu tuyến	Rạch Bà Đá	
1231	Rạch Bà Pha	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 9	250	Đầu tuyến	Rạch Bà Đá	
1232	Rạch Bà Trương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 9	220	Đầu tuyến	Sông Đồng Nai	
1233	Rạch Cây Gia	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 9	450	Đường Long Thuận	Rạch Sỏi	
1234	Rạch So	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 9	270	Đường Long Thuận	Sông Cây Cám	
1235	Rạch Sáu Đêm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	193	Đầu tuyến	Rạch Rông Gòn	
1236	Rạch Hai Úc - Tư Bép	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	352	Đầu tuyến	Rạch Rông Gòn	
1237	Rạch Cầu Số 4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	643	Rạch Miếu	Sông Ông Đụng	
1238	Rạch Cầu Số 3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	811	Rạch Miếu	Sông Ông Đụng	

STT	Tên kênh, rạch	Quản lý ngành	Quản lý trực tiếp	Chiều dài (m)	Lý trình		Ghi chú
					Điểm đầu	Điểm cuối	
1239	Rạch Cầu Số 2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	1.040	Sông Cầu Vông	Sông Ông Đụng	
1240	Rạch Cầu Số 1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	563	Đầu tuyến	Sông Cầu Vông	
1241	Rạch Ông Dầm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	398	Rạch Ông Đụng	Rạch Trùm Bích	
1242	Rạch Bà The	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	1.918	Rạch Ba Vinh	Rạch Giao Khẩu	
1243	Rạch Hai Long	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	325	Rạch Cầu Móng	Đường TX14	
1244	Rạch Thống Nhất	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	572	Quốc lộ 1	Sông Đá Hãn	
1245	Rạch Tám Trung	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	822	Cầu Ba Sóc	Rạch Bà The	
1246	Rạch Tư Nhiều	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	213	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	
1247	Rạch Chín Cầm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	140	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	
1248	Rạch Ụ Tám Lưới	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	192	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	
1249	Rạch Ụ Năm Hối	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	105	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	
1250	Rạch Tư Mao	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	127	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	
1251	Rạch Định An Phước	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	268	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	
1252	Rạch Ụ Bảy Hoành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	129	Rạch Ông Đụng	Đường TL44	
1253	Rạch Ụ Lò Đường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	124	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	
1254	Rạch Ụ Hai Ngời	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	169	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	
1255	Rạch Ụ Sáu Hồng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	121	Đầu tuyến	Rạch Giao Khẩu	
1256	Rạch Ụ Bảy Lệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	111	Đầu tuyến	Rạch Giao Khẩu	

STT	Tên kênh, rạch	Quản lý ngành	Quản lý trực tiếp	Chiều dài (m)	Lý trình		Ghi chú
					Điểm đầu	Điểm cuối	
1257	Rạch Dương Hà	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	283	Đầu tuyến	Rạch Giao Khẩu	
1258	Rạch Ông Mỏ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	600	Đầu tuyến	Rạch Giao Khẩu	
1259	Rạch Áp Tinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	255	Đầu tuyến	Rạch Giao Khẩu	
1260	Rạch Cầu Đồng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	1.418	Rạch Giao Khẩu	Cầu Ga	
1261	Rạch Tám Quỳnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	228	Đầu tuyến	Rạch Ba Thôn	
1262	Rạch Miếu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	317	Đầu tuyến	Rạch Giao Khẩu	
1263	Rạch Cầu Đò	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	1.554	Sông Vàm Thuật	Đường Vườn Lài	
1264	Rạch Cả Rạng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	360	Đầu tuyến	Sông Vàm Thuật	
1265	Rạch Sáu Trinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	421	Đường Vườn Lài	Rạch Ghe Máy	
1266	Rạch Cống Số 4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	277	Đầu tuyến	Sông Vàm Thuật	
1267	Rạch Cầu Ván Chùa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	540	Đầu tuyến	Sông Vàm Thuật	
1268	Rạch Cầu Lớn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	1.132	Sông Sài Gòn	Cuối tuyến	
1269	Rạch Bảy Đẻ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	250	Đầu tuyến	Rạch Cầu Lớn	
1270	Rạch Thầy Báo	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	251	Đầu tuyến	Cầu Thầy Báo	
1271	Rạch Cầu Vồ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	222	Quốc lộ 1	Cầu Thầy Báo	
1272	Rạch Ụ Ông Bông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	295	Đầu tuyến	Rạch Bà Dương	
1273	Rạch Bến Nghé	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	413	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	
1274	Rạch Lò Than	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	516	Sông Sài Gòn	Hèm 34 đường APĐ27	

STT	Tên kênh, rạch	Quản lý ngành	Quản lý trực tiếp	Chiều dài (m)	Lý trình		Ghi chú
					Điểm đầu	Điểm cuối	
1275	Rạch Tám Chà	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	659	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	
1276	Rạch Rông Nhấp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	257	Đầu tuyến	Sông Đá Hàn	
1277	Rạch Rông Bùng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	304	Đầu tuyến	Sông Đá Hàn	
1278	Kênh Dừa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	1.353	Cầu Dừa	Đường Bùi Văn Ngự	
1279	Rạch Vô Đông Nhi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	1.500	Đầu tuyến	Sông Vàm Thuật	
1280	Rạch Thọ Ngựa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	313	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	
1281	Rạch Chín Bộ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	153	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	
1282	Rạch Vô Tây	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	236	Đầu tuyến	Sông Sài Gòn	
1283	Rạch Cống Bảy Cá	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	497	Đầu tuyến	Sông Vàm Thuật	
1284	Rạch Tư Mạnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quận 12	368	Quốc lộ 1	Kênh Tham Lương	
1285	Rạch Vừa Khạp (áp 3)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Huyện Hóc Môn	400	Sông Sài Gòn	Cuối tuyến	
1286	Rạch Vân Thành (áp 3)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Huyện Hóc Môn	400	Sông Sài Gòn	Cuối tuyến	
1287	Rạch cầu Cụt (áp 3)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Huyện Hóc Môn	630	Sông Sài Gòn	Cuối tuyến	
1288	Rạch Ba Khuôn (áp 3)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Huyện Hóc Môn	130	Sông Sài Gòn	Cuối tuyến	
1289	Rạch Bà Nga (áp 3)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Huyện Hóc Môn	130	Sông Sài Gòn	Cuối tuyến	
1290	Rạch Ba Cán (áp 3)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Huyện Hóc Môn	176	Sông Sài Gòn	Cuối tuyến	
1291	Rạch Chín Khâm (áp 4)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Huyện Hóc Môn	66	Sông Sài Gòn	Cuối tuyến	
1292	Rạch Năm Trị (áp 4)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Huyện Hóc Môn	334	Sông Sài Gòn	Cuối tuyến	

